

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HS-ST

Ngày: 19-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC M – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Bình

Ông Nguyễn Đức Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực M – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực M – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/HSST-QĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/HSST-QĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Văn Đ, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1994 tại tỉnh Lâm Đồng (trước đây là tỉnh Bình Thuận); Nơi cư trú: Số M đường Z, tổ M, thôn N, xã T, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Số M đường Z, tổ M, thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N; bị cáo chưa kết hôn; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 14/12/2021, bị Tòa án nhân dân khu vực S – Đồng Nai (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai) xét xử về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự với mức án 01 năm 06 tháng tù và hành vi Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự với mức án 08 tháng tù, tổng hợp hình phạt của hai tội là 02 năm 02 tháng tù theo Bản án số 157/2021/HS-ST, chấp hành xong ngày 26/5/2023 và chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

+ Ngày 05/6/2019, bị Tòa án nhân dân khu vực S – Đồng Nai (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 17/QĐ-TA, thời hạn 20 tháng, chấp hành xong ngày 10/8/2020.

+ Ngày 23/3/2021, bị Công an xã T, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0058400, về hành vi Trộm cắp tài sản với số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt.

+ Ngày 27/12/2016, bị Tòa án nhân dân khu vực M – Lâm Đồng (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận) xét xử về hành vi Hủy hoại tài sản theo Điểm b Khoản 2 Điều 143 Bộ luật Hình sự với mức án 15 tháng tù theo Bản án số 56/2016/HSST. Ngày 23/3/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận) xét xử phúc thẩm với mức án 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, theo Bản án số 25/2017/HSPT, chấp hành xong ngày 24/9/2019 và đã được xóa án tích.

+ Ngày 27/5/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực M – Lâm Đồng (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận) xét xử về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án 01 năm 06 tháng tù theo Bản án số 39/2025/HS-ST, bị cáo đang chấp hành án từ ngày 07/02/2025.

Hiện bị giam tại Trại giam Xuân Lộc. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lê Viết D, sinh năm 1956; Thường trú: Số H đường số H, tổ M, thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Số H đường số H, tổ M, thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1983; Thường trú: Số nhà N đường H, tổ B, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Số nhà N đường H, tổ B, khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận). Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976; Thường trú: Số nhà C đường N, tổ B, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Số C đường N, tổ B, khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1981; Thường trú: Tổ B, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Tổ B, thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận). Vắng mặt.

4. Ông Thạch H1, sinh năm 1971; Thường trú: Số nhà M đường T, tổ N, thôn V, xã H, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Số M đường T, tổ N, khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 08/11/2024, Trần Văn Đ, sinh ngày 08/3/1994, trú tại Số M đường Z, tổ M, thôn N, xã T, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Số M đường Z, tổ M, thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận) một mình điều khiển xe mô tô biển số 86B8 - 068.73, nhãn hiệu YAMAHA, loại NOUVO, màu sơn đỏ đen, đi từ xã Tr, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là xã Đ, huyện Đ) đến khu vực xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là xã N, huyện Đ) để tìm tài sản trộm cắp. Khi

đến thôn M, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là thôn M, xã N, huyện Đ), Trần Văn Đ nhìn thấy bao lúa (trong bao chứa 62 kg lúa hạt dài), màu trắng, có chữ “Sài Gòn Đại Phú” của ông Lê Viết D, sinh năm 1956, thường trú tại Số H đường số H, tổ M, thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là tổ M, thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận) để trước nhà ông Nguyễn Anh, sinh năm 1962, trú tại tổ B, thôn M, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là tổ B, thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận) để xay xát lúa nên nảy sinh ý định trộm cắp bao lúa trên. Trần Văn Đ điều khiển xe mô tô dừng lại gần bao lúa rồi xuống xe, vác bao lúa để lên phía sau yên xe mô tô rồi điều khiển xe chạy đến nhà máy xay xát gạo của ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1983, tại số T đường Đ, thôn 5, xã H, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là số T đường Đ, khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận). Tại đây, Trần Văn Đ bán bao lúa trên cho ông Nguyễn Đức Th lấy 558.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Quá trình điều tra, Trần Văn Đ đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Qua xác minh, Trần Văn Đ có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Cụ thể: Tại Bản án số 157/2021/HSST ngày 14/12/2021, Trần Văn Đ bị Tòa án nhân dân khu vực S – Đồng Nai (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai) xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tổng cộng 02 năm 02 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/5/2023, chưa được xóa án tích. Đến ngày 04/11/2024 lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 17/01/2025 của Hội Đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Linh kết luận: 62 kg lúa hạt dài (loại lúa khô) tại thời điểm định giá ngày 08/11/2024 có giá 576.600 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 bao lúa màu trắng có chữ Sài Gòn Đại Phú, (trong bao có chứa lúa hạt dài trọng lượng 62 kg) là tài sản của ông Lê Viết D; 01 xe mô tô biển số 86B8-068.73.

Tại cáo trạng số 51/CT-VKSĐL-HS ngày 19 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng (Trước đây là Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận) truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội Trộm cắp tài sản theo Điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về điều luật và hình phạt: Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Trần Văn Đ mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 bao lúa màu trắng có chữ Sài Gòn Đại Phú, (trong bao có chứa lúa hạt dài trọng lượng 62 kg) là tài sản của ông Lê Viết D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận) đã trả lại cho chủ sở hữu.

+ Đối với 01 xe mô tô biển số 86B8-068.73. Đây là phương tiện Trần Văn Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Qua xác minh thông tin và làm việc, xe đứng tên ông Thạch H1, đã bán cho ông Nguyễn Quang S, sau đó ông S đã bán cho bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976, trú thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận), tất cả những lần mua bán đều không làm thủ tục sang tên. Bà H đã cho Trần Văn Đ mượn vào ngày 07/11/2024 nhưng không biết việc Đ sử dụng xe mô tô vào mục đích trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần trả lại tài sản trên cho bà H là phù hợp.

- Về phần dân sự: Ông Lê Viết D đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường. Ông Nguyễn Đức Th là người mua lại bao lúa từ Trần Văn Đ, ông Th không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã trả cho bị cáo là 558.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Trần Văn Đ thu lợi bất chính 558.000 đồng, do ông Nguyễn Đức Th không yêu cầu bồi thường lại số tiền này nên cần buộc bị cáo giao nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 17/01/2025 của Hội Đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Linh nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng (Trước đây là Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận) đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không tranh luận, đối đáp gì, trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại ông Lê Viết D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Th, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Quang S, ông Thạch H. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của những ông, bà trên; ông D, bà H, ông H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, ông Th, bà H, ông S, ông H là phù hợp Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 08/11/2024, tại tổ B, thôn N 10, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là tổ B, thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận), Trần Văn Đ đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 bao lúa trọng lượng 62 kg của ông Lê Viết D với giá trị tài sản chiếm đoạt là 576.600 đồng (Theo Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 17/01/2025 của Hội Đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Linh).

Điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “....1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:....

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; ...”

Trần Văn Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng trước đây bị cáo đã bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản (Bản án số 157/2021/HS-ST của Tòa án nhân dân khu vực S – Đồng Nai (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai), chấp hành xong ngày 26/5/2023), chưa được xóa án tích. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng số 51/CT-VKSĐL-HS ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng (Trước đây là Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận) và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Trần Văn Đ là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng, nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nhằm giáo dục trực tiếp bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tiền án: Ngày 14/12/2021, bị Tòa án nhân dân khu vực S – Đồng Nai (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai) xét xử về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự với mức án 01 năm 06 tháng tù và hành vi Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự với mức án 08 tháng tù, tổng hợp hình phạt của hai tội là 02 năm 02 tháng tù theo Bản án số 157/2021/HS-ST, chấp hành xong ngày 26/5/2023 và chưa được xóa án tích. Đối với tiền án Trộm cắp tài sản trong Bản án số 157/2021/HS-ST, đã được xem xét là dấu hiệu định tội. Đối với tiền án Tàng trữ trái phép chất ma túy trong Bản án số 157/2021/HS-ST được xem xét là trường hợp bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 53 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, vì vậy Hội đồng xét xử

xem xét áp dụng cho bị cáo Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu:

+ Ngày 05/6/2019, bị Tòa án nhân dân khu vực S – Đồng Nai (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 17/QĐ-TA, thời hạn 20 tháng, chấp hành xong ngày 10/8/2020.

+ Ngày 23/3/2021, bị Công an xã T, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0058400, về hành vi Trộm cắp tài sản với số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt.

+ Ngày 27/12/2016, bị Tòa án nhân dân khu vực M – Lâm Đồng (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận) xét xử về hành vi Hủy hoại tài sản theo Điểm b Khoản 2 Điều 143 Bộ luật Hình sự với mức án 15 tháng tù theo Bản án số 56/2016/HSST. Ngày 23/3/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận) xét xử phúc thẩm với mức án 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, theo Bản án số 25/2017/HSPT, chấp hành xong ngày 24/9/2019 và đã được xóa án tích.

+ Ngày 27/5/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực M – Lâm Đồng (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận) xét xử về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án 01 năm 06 tháng tù theo Bản án số 39/2025/HS-ST, bị cáo đang chấp hành án từ ngày 07/02/2025.

[5] Về hình phạt: Nhận thấy, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Ngày 07/02/2025, bị cáo thực hiện hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân khu vực M – Lâm Đồng (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận) xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt phạm tội quả tang (ngày 07/02/2025) tại Bản án số 39/2025/HS-ST ngày 27/5/2025. Vì vậy, cần tổng hợp hình phạt tù với bản án này để buộc bị cáo phải chấp hành chung hai bản án theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số 86B8-068.73, nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo, màu sơn đỏ đen. Đây là phương tiện Trần Văn Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Qua xác minh, xe đứng tên ông Thạch H. Quá trình cơ quan cảnh sát điều tra làm việc xác định, ông Thạch H đã bán xe cho ông Nguyễn Quang S, sau đó ông S đã bán cho bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976, trú thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận). Tất cả các lần mua bán đều không làm thủ tục sang tên. Bà H đã cho Trần

Văn Đ mượn vào ngày 07/11/2024 nhưng không biết việc Đ sử dụng xe mô tô vào mục đích trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần trả lại tài sản trên cho bà H là phù hợp.

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 bao lúa màu trắng, có chữ Sài Gòn Đại Phú, (trong bao có chứa lúa hạt dài trọng lượng 62 kg) là tài sản của ông Lê Viết D. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Công an tỉnh Bình Thuận) đã trả lại cho ông D, ông D không có ý kiến gì, vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về phần dân sự: Ông Lê Viết D đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường. Ông Nguyễn Đức Th là người mua lại bao lúa từ Trần Văn Đ, ông Th không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã trả cho bị cáo là 558.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Trần Văn Đ thu lợi bất chính 558.000 đồng, do ông Nguyễn Đức Th không yêu cầu bồi thường lại số tiền này nên cần buộc bị cáo giao nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự số 39/2025/HS-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân khu vực M – Lâm Đồng (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận). Buộc bị cáo Trần Văn Đ chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời

hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2025, nhưng được tính trừ thời gian đã chấp hành án (từ ngày 07/02/2025 đến ngày 19/9/2025).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H 01 xe mô tô biển số 86B8-068.73, nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo, màu sơn đỏ đen.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/6/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận) và Phòng thi hành án dân sự khu vực M – Lâm Đồng (Trước đây là Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Thuận)).

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 46, Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Trần Văn Đ nộp số tiền 558.000 (Năm trăm năm mươi tám nghìn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

4. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Bị cáo Trần Văn Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV17- Lâm Đồng;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS KV 17 – Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung